

**TRƯỜNG TRUNG CẤP KỸ NĂNG  
CHUYÊN NGHIỆP NHẬT BẢN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 08/CV-TC

Sóc Trăng, ngày 13 tháng 6 năm 2025

*V/v báo cáo tình hình hoạt động Quý  
II/2025 và thống kê số lượng cán bộ  
quản lý, giáo viên, ngành nghề đào tạo  
của Trường Trung cấp Kỹ năng  
chuyên nghiệp Nhật Bản*

Kính gửi: Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Sóc Trăng

Lời đầu tiên, Trường Trung cấp Kỹ năng chuyên nghiệp Nhật Bản (“*Nhà trường*”) trân trọng gửi lời chào và lời chúc sức khỏe đến Quý Cơ quan.

**TRƯỜNG TRUNG CẤP KỸ NĂNG CHUYÊN NGHIỆP NHẬT BẢN**

Mã số thuế : 2200812926

Địa chỉ : Số 20 An Dương Vương, Khóm 1, Phường 10, Thành phố Sóc Trăng,  
Tỉnh Sóc Trăng

Điện thoại : (029) 9629 6688

Email: [contact@ipc.vn](mailto:contact@ipc.vn)

Đại diện : ông Nguyễn Xuân Lanh

Chức vụ: Hiệu trưởng

Nhà trường được cho phép thành lập theo Quyết định số 2276/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND tỉnh Sóc Trăng ngày 25/09/2024.

Triển khai thực hiện Công văn số 705/SGDĐT-GDTH ngày 17/03/2025 về việc báo cáo kết quả thực hiện công tác giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng. Bằng văn bản này, Nhà trường kính gửi Quý Sở báo cáo kết quả của đơn vị trong Quý II và thống kê đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và ngành nghề đào tạo của Nhà trường (*đính kèm*).

*Thông tin liên hệ Trường Trung cấp Kỹ năng chuyên nghiệp Nhật Bản: Ông Nguyễn Xuân Lanh - Hiệu trưởng, SĐT: 091 818 3980, Email: [xuanlanh@esuhai.com](mailto:xuanlanh@esuhai.com).*

Trân trọng./.

Nơi nhận:  
- Như Kính gửi;  
- Lưu: PC.



**NGUYỄN XUÂN LANH**



## THÔNG KÊ SỐ LIỆU KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP QUÝ II/2025

(Kèm theo Công văn số: 705 /SGDDT-GDTX ngày 17 tháng 3 năm 2025 của Sở GDĐT)

| Trình độ đào tạo             | Tổng số tuyển sinh | Tổng số đang học | Tổng số lớp | Tổng số học viên tốt nghiệp |
|------------------------------|--------------------|------------------|-------------|-----------------------------|
| Cao đẳng                     |                    |                  |             |                             |
| Trung cấp                    | 0                  | 0                | 0           | 0                           |
| Sơ cấp                       | 93                 | 93               | 3           | 0                           |
| Dưới 3 tháng và thường xuyên | 23                 | 23               | 1           | 0                           |
| <b>Cộng</b>                  | <b>116</b>         | <b>116</b>       | <b>4</b>    | <b>0</b>                    |

*[Signature]*



Mẫu 2



## THỐNG KÊ SỐ LIỆU CÁN BỘ QUẢN LÝ, GIÁO VIÊN VÀ NGÀNH NGHỀ ĐÀO TẠO

(Kèm theo Công văn số: 705 /SGDDT-GDTX ngày 17 tháng 3 năm 2025 của Sở GDĐT)

| Tên đơn vị                                      | Tổng số cán bộ quản lý và giáo viên | Cán bộ quản lý | Tổng số Giáo viên |                | Tên ngành, nghề đào tạo |                                                                                                                                              |                                                                                                                                                                                                                                                            |                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |
|-------------------------------------------------|-------------------------------------|----------------|-------------------|----------------|-------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|                                                 |                                     |                | GV cơ hữu         | GV thỉnh giảng | Trình độ Cao đẳng       | Trình độ Trung cấp                                                                                                                           | Trình độ Sơ cấp                                                                                                                                                                                                                                            | Trình độ dưới 3 tháng                                                                                                                                                                                                                                                                            |
| TRƯỜNG TRUNG CẤP KỸ NĂNG CHUYÊN NGHIỆP NHẬT BẢN | 19                                  | 2              | 17                | 0              |                         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tiếng Nhật</li> <li>- Nghiệp vụ nhà hàng, khách sạn</li> <li>- Dịch vụ chăm sóc gia đình</li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tiếng Nhật cơ bản 1</li> <li>- Tiếng Nhật cơ bản 2</li> <li>- Kỹ năng làm việc chuyên nghiệp trong môi trường doanh nghiệp</li> <li>- Nghiệp vụ Nhà hàng khách sạn</li> <li>- Dịch vụ chăm sóc cá nhân</li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tiếng Nhật làm việc trong môi trường Nhật Bản N5</li> <li>- Tiếng Nhật làm việc trong môi trường Nhật Bản N4</li> <li>- Tiếng Nhật làm việc trong môi trường Nhật Bản N3</li> <li>- Kỹ năng làm việc chuyên nghiệp trong môi trường Nhật Bản</li> </ul> |
| Cộng                                            | 19                                  | 2              | 17                | 0              |                         |                                                                                                                                              |                                                                                                                                                                                                                                                            |                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |